

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỜ ĐỎ
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2020/DS-ST

Ngày: 15-5-2020

V/v: “*Đòi thực hiện nghĩa vụ
theo hợp đồng mua bán tài sản*”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỜ ĐỎ, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Thành Sang**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Hoàng Hải**

2. Bà **Nguyễn Thị Huệ**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Thanh Huyền** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

Trong ngày 15 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 19/2020/TLST-DS ngày 14 tháng 02 năm 2020 về “*Đòi thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng mua bán tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2020/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh **Phương Tuấn D**, sinh năm 1985 – Chủ cửa hàng vật tư Nông nghiệp xanh (có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, TP.Cần Thơ.

2. *Bị đơn:* 01. Anh **Nguyễn Thanh Nh**, sinh năm 1974 (có mặt)

02. Chị **Võ Thị N**, sinh năm 1974 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, TP.Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn anh Phương Tuấn D trình bày:

Anh là Chủ cửa hàng vật tư Nông nghiệp xanh có địa chỉ tại ấp Thạnh Lợi, xã Trung Thạnh, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ. Từ ngày 03/11/2016 đến ngày 30/9/2017 anh Nguyễn Thanh Nh có mua các mặt hàng vật tư nông nghiệp như: Phân bón, thuốc trừ sâu, ... với hình thức là bán đến hết vụ lúa thì

trả tiền và mục đích mua là dùng để sản xuất lúa trong gia đình. Qua nhiều lần cho anh Nh nợ tiền, đến ngày 30/9/2017, anh Nh đã nợ anh tổng số tiền 382.103.000 đồng. Khi thấy anh Nh không có thiện chí trả nợ nên anh đã nhiều lần yêu cầu anh Nh trả, nhưng anh Nh cứ hẹn lần hẹn lượt. Do đó, vào ngày 06/4/2018 giữa anh và anh Nh đã lập biên bản thỏa thuận xác nhận nợ. Tại biên bản thỏa thuận xác nhận nợ, anh Nh đã thừa nhận có nợ anh số tiền 382.103.000 đồng và hứa đến ngày 12/4/2018 trả 50.000.000 đồng, số tiền còn lại đến ngày 10/7/2018 sẽ trả xong. Tại biên bản này, anh Nh đã ký tên xác nhận. Tuy nhiên đến ngày 10/7/2018, anh Nh chỉ trả cho anh được số tiền 172.000.000 đồng, còn nợ lại 210.103.000 đồng.

Do anh Nh không tiếp tục trả nợ cho anh nên anh đã nhiều lần nhắc nhở anh Nh thực hiện nghĩa vụ này mà anh Nh vẫn không thực hiện. Vì vậy, đến ngày 10/10/2018, giữa anh và anh Nh có lập bảng đối chiếu nợ phải thu. Tại bảng đối chiếu nợ phải thu, anh Nh đã thừa nhận còn nợ anh số tiền 248.495.512 đồng (trong đó tiền gốc 210.103.000đ, tiền lãi chậm trả 38.392.512đ) và đã ký tên xác nhận.

Sau khi ký tên vào bảng đối chiếu nợ phải thu cho đến nay, anh Nh hoàn toàn không trả cho anh bất cứ khoản tiền nào. Cho nên, anh khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Thanh Nh cùng vợ là Võ Thị N trả cho anh số tiền 210.103.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 10/10/2018 đến ngày 10/5/2020 với lãi suất 10%/năm. Không yêu cầu trả số tiền lãi 38.392.512 đồng.

Bị đơn ông Nguyễn Thanh Nh trình bày:

Thống nhất với lời trình bày của anh Phương Tuấn D về việc anh có mua vật tư nông nghiệp của cửa hàng vật tư Nông nghiệp xanh có địa chỉ tại ấp Thạnh Lợi, xã Trung Thạnh, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ do anh D làm chủ. Từ ngày 03/11/2016 đến ngày 30/9/2017 anh có mua các mặt hàng vật tư nông nghiệp như: Phân bón, thuốc trừ sâu, ... với hình thức là bán đến hết vụ lúa thì trả tiền. Mục đích mua là dùng để sản xuất lúa trong gia đình nhằm tạo ra thu nhập để nuôi sống gia đình, trong đó có anh, vợ anh tên Võ Thị N.

Qua nhiều lần mua, đến ngày 30/9/2017 anh nợ anh D tổng số tiền 382.103.000 đồng. Do làm ăn thất bại nên anh không có khả năng trả cho anh D. Vì thế, vào ngày 06/4/2018 giữa anh và anh D đã lập biên bản thỏa thuận xác nhận nợ. Tại biên bản thỏa thuận xác nhận nợ, anh đã thừa nhận có nợ anh D số tiền 382.103.000 đồng và hứa đến ngày 12/4/2018 trả 50.000.000 đồng, số tiền còn lại đến ngày 10/7/2018 sẽ trả xong. Tại biên bản này, anh đã ký tên xác

nhận. Tuy nhiên đến ngày 10/7/2018, anh chỉ trả cho anh D được số tiền 172.000.000 đồng, còn nợ lại 210.103.000 đồng.

Do anh không tiếp tục trả nợ cho anh D nên đến ngày 10/10/2018, giữa anh và anh D có lập bảng đối chiếu nợ phải thu. Tại bảng đối chiếu nợ phải thu, anh đã thừa nhận còn nợ anh D số tiền 248.495.000 đồng (trong đó tiền gốc 210.103.000đ, tiền lãi chậm trả 38.392.512đ) và đã ký tên xác nhận.

Nay anh đồng ý cùng vợ anh tên Võ Thị N trả cho anh D số tiền 210.103.000 đồng, nhưng xin trả dần 40.000.000 đồng/năm cho đến khi nào hết nợ. Còn việc anh D yêu cầu trả lãi thì anh xin miễn vì hiện tại hoàn cảnh gia đình gặp rất nhiều khó khăn.

Bị đơn chị Võ Thị N không có mặt trong quá trình giải quyết vụ án và cũng không có văn bản gửi cho Tòa án thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của anh Phương Tuấn D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Thẩm quyền giải quyết: Anh Phương Tuấn D khởi kiện anh Nguyễn Thanh Nh, chị Võ Thị N có địa chỉ tại ấp T, xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ trả số tiền mua vật tư nông nghiệp còn nợ theo hợp đồng mua bán nên xác định quan hệ pháp luật là “Đòi thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng mua bán” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Thủ tục tố tụng: Khi tiến hành xét xử, chị Võ Thị N được triệu tập nhiều lần nhưng vắng mặt không rõ lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Năm theo Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Anh Phương Tuấn D yêu anh Nguyễn Thanh Nh, chị Võ Thị N trả số tiền mua vật tư nông nghiệp còn nợ là 210.103.000 đồng theo hợp đồng mua bán giữa hai bên. Anh Nh thừa nhận còn nợ tiền mua vật tư nông nghiệp của anh anh D là 210.103.000 đồng và đồng ý trả số tiền này, nhưng xin trả dần 40.000.000 đồng/năm cho đến khi nào hết nợ. Hội đồng xét xử xét thấy, số tiền 210.103.000 đồng mà anh Nh còn nợ anh D được thực hiện bởi giao dịch mua bán vật tư nông nghiệp giữa hai bên và mục đích mua vật tư nông nghiệp của anh Nh là dùng để sản xuất lúa trong gia đình. Theo lời khai của anh Nh, trong gia đình anh chỉ có anh, vợ anh tên N và các con, không có ai khác. Cho nên,

việc anh D khởi kiện yêu cầu anh Nh, chị N trả cho anh số tiền 210.103.000 đồng là có căn cứ để chấp nhận.

[2.2] Đối với yêu cầu xin trả dần của anh Nh, không được anh D chấp nhận nên theo quy định pháp luật Hội đồng xét xử buộc anh Nh, chị N trả cho anh D số tiền 210.103.000 đồng.

[2.3] Đối với yêu cầu trả lãi chậm trả của anh D trên số tiền 210.103.000 đồng tính từ ngày 10/10/2018 đến ngày 10/5/2020 với lãi suất 10%/năm và yêu cầu miễn lãi của anh Nh. Xét thấy, việc anh Nh yêu cầu anh D miễn lãi không được anh D chấp nhận nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định pháp luật giải quyết. Theo quy định tại khoản 3 Điều 440, khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự thì việc yêu cầu trả lãi chậm trả của anh D là hoàn toàn phù hợp. Tính từ ngày 10/10/2018 đến ngày 10/5/2020 là 19 tháng. Lãi suất 10%/năm tương đương 0,83%/tháng. Với số tiền 210.103.000 đồng và lãi suất 0,83%/tháng thì một tháng bằng 1.744.000 đồng, tổng thời gian 19 tháng là 33.136.000 đồng (1.744.000đ x 19 tháng = 33.136.000đ).

[2.4] Từ các nhận định trên, Hội đồng xét xử buộc anh Nh, chị N trả cho anh D số tiền 243.239.000 đồng (trong đó tiền gốc 210.103.000 đồng, tiền lãi chậm trả 33.136.000 đồng).

[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của anh D được chấp nhận nên anh Nh, chị N phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 357; Điều 430; Điều 440 Bộ luật Dân sự;
- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phương Tuấn D đối với anh Nguyễn Thanh Nh, chị Võ Thị N.

- Buộc anh Nguyễn Thanh Nh, chị Võ Thị N trả cho anh Phương Tuấn D số tiền 243.239.000 đồng (trong đó tiền gốc 210.103.000 đồng, tiền lãi chậm trả 33.136.000 đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có

đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Thanh Nh, chị Võ Thị N phải chịu 12.162.000 đồng.

Anh Phương Tuấn D được nhận lại 6.212.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 012991 ngày 14 tháng 02 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cờ Đỏ.

3. Tuyên án công khai. Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Cờ Đỏ;
- Chi cục THADS huyện Cờ Đỏ;
- TAND TP.Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thành Sang

